

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU GMC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU GMC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108949675

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Tổ hợp thương mại và nhà ở cao tầng CT3, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có lịch trình và hành trình theo yêu cầu của hành khách; cước tính theo đồng hồ tính tiền;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định được thực hiện theo hợp đồng vận tải;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch theo tuyến, chương trình và địa điểm du lịch. | 4931     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932     |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5229     |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610     |
| 7.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5621     |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6619     |
| 10. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820        |
| 12. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng, giới thiệu lao động cho các đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                                                                                                                                             | 7830(Chính) |
| 13. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa<br>Kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7912        |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao;<br>- Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng;<br>- Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác;<br>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch;<br>- Hoạt động xúc tiến du lịch. | 7990        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 16. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531        |
| 17. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532        |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn giáo dục<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.<br>+ Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                             | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HIẾU      | A2- 1612a, CT02 (A2), ĐTTP Xanh Vinhomes Gardenia, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 900.000    | 9.000.000.000         | 90,000    | 031091008883                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Tổng số                   | 900.000    | 9.000.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ HUYỀN TRANG | Thiên Kha, Xã Tiên Cường, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                         | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     | B7352419                                                                                    |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                  |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                                                 |                           |        |             |       |              |
|---|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | HÀ CÔNG VINH | 2309- 32T ĐNB chung cư TheGolDen HH6, KĐT Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 5,000 | 034089010478 |
|   |              |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                                 | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 5,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031091008883

Ngày cấp: 12/10/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A2- 1612a, CT02 (A2), ĐTTP Xanh Vinhomes Gardenia, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: A2- 1612a, CT02 (A2), ĐTTP Xanh Vinhomes Gardenia, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội